

Số: 8152/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 18 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc trợ cấp xã hội cho sinh viên hệ chính quy học kỳ 1 năm học 2019-2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 530/QĐ-ĐHV ngày 29/3/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành chế độ học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên hệ chính quy học tập trung tại trường Đại học Vinh từ học kỳ 2 năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ vào hồ sơ xin hưởng trợ cấp xã hội của sinh viên hệ chính quy và đề nghị của các viện, khoa đào tạo;

Căn cứ kết luận của Hội đồng thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên Trường Đại học Vinh tại phiên họp ngày 06/11/2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác chính trị và học sinh, sinh viên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp xã hội cho 191 sinh viên hệ chính quy học kỳ 1 năm học 2019-2020 với số tiền: 155.640.000 đồng (*Một trăm năm lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*) (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Công tác chính trị-Học sinh, sinh viên, Kế hoạch-Tài chính, Đào tạo, Hành chính tổng hợp; Trưởng các viện, các khoa đào tạo, các đơn vị có liên quan và các sinh viên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *thư*

Nơi nhận: *✓*

- Như Điều 2;

- Lưu: HCTH, CTCT-HSSV. *thư*



GS.TS. Đinh Xuân Khoa

DANH SÁCH PHÁT TRỢ CẤP XÃ HỘI CHO SINH VIÊN
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số: 3452 /QĐ-ĐHV ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Đối tượng	Dân tộc	Lớp	Khoa, viện	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/Kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số Tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	1	165D22020100162	Nguyễn Thị Thơm	CMC	Kinh	57B2-SPA	SP N.Ngữ	100.000	6	600.000	187405398	0944224256	100003247592	Vietinbank
2	2	1755214023110025	Lê Thị Phương Thảo	VĐBKK	Thái	58A2-SPTA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187762922	0899642848	106867611448	Vietinbank
3	3	1755222020100018	Nguyễn Thị Uyên	CMC	Kinh	58B1- SPA	SP N.Ngữ	100.000	6	600.000	184334084	01654517928	102867611512	Vietinbank
4	4	18571402311043	Lữ Thị Thu Hà	VĐBKK	Thái	59A-SPA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187836879	0824000806	102869192622	Vietinbank
5	5	18571402311025	Võ Thị Minh Châu	VĐBKK	Thái	59A-SPA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187841098	0399059062	108869192614	Vietinbank
6	6	18571402311004	Nguyễn Thị Việt Hà	VĐBKK	Thái	59A-SPA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187833105	0986228249	104869192620	Vietinbank
7	7	18572202010196	Lê Thị Dung	CMC	Kinh	59B3-NNA	SP N.Ngữ	100.000	6	600.000	187697396	0964887621	102869108133	Vietinbank
8	8	1755214023110071	Lô Thị Phương	VĐBKK	Thái	58A1-SPA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187663012	0333760415	108867611377	Vietinbank
9	9	19572202010192	Lô Thị Phương Thanh	VĐBKK	Thái	60B4-NNA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187771147	0829162921	107870698296	Vietinbank
10	10	19572202010282	Hà Như Ý	VĐBKK	Thái	60B4-NNA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187834259	0865357523	106870698303	Vietinbank
11	11	19572202010247	Lang Thị Thảo Chi	VĐBKK	Thổ	60B4-NNA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187880236	0845336997	105870698261	Vietinbank
12	12	19571402310042	Kha Ngọc Nhung	VĐBKK	Thái	60A1-SPA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187712317	0886493640	109870698012	Vietinbank
13	13	19572202010080	Nguyễn Thị Thảo Anh	CMC	Kinh	60B2-NNA	SP N.Ngữ	100.000	6	600.000	186896036	0949876408	107870698148	Vietinbank
14	14	19572202010075	Quang Thị Hà Mây	VĐBKK	Thái	60B1-NNA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187931762	0966175101	109870698119	Vietinbank
15	15	19572202010022	Nguyễn Thị Thương	VĐBKK	Thái	60B1-NNA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187712544	0843253999	103870698127	Vietinbank
16	16	175522020100184	Trần Thị Thanh Hoài	CMC	Kinh	58B4-NNA	SP N.Ngữ	100.000	6	600.000	187842166	0399860296	100867611650	Vietinbank
17	1	165TDV400324	Hoàng Thị Hà	VĐBKK	Thái	57B2-Luật học	Luật	140.000	6	840.000	187 504583	963739914	108003634537	Vietinbank
18	2	165TDV400195	Lữ Thị Huyền	VĐBKK	Thái	57B3-Luật học	Luật	140.000	6	840.000	175008787	985580191	101003634574	Vietinbank
19	3	185523801015001	Vũ A Chung	VĐBKK	Mông	58B3-Luật học	Luật	140.000	6	840.000	040901647	0358075966	102870919878	Vietinbank
20	4	1755238010100114	Lô Văn Danh	VĐBKK	Khơ Mú	58B4-Luật học	Luật	140.000	6	840.000	187779866	0348085358	109867589925	Vietinbank
21	5	1755238010100047	Hoàng Văn Trọng	VĐBKK	Tày	58B5-Luật học	Luật	140.000	6	840.000	85043826	1644127469	100867590009	Vietinbank
22	6	1755238010100217	Lô Văn Tư	VĐBKK	Thái	58B5-Luật học	Luật	140.000	6	840.000	51009708	1693770443	105867589983	Vietinbank
23	7	1755238010100098	Cụt Thị Ván	VĐBKK	Khơ Mú	58B5-Luật học	Luật	140.000	6	840.000	187781333	969193980	109867590013	Vietinbank
24	8	18573801010072	Vũ Thị Thu Trang	VĐBKK	H'Mông	59B1-Luật học	Luật	140.000	6	840.000	187712543	0374156228	103869107652	Vietinbank
25	9	18573801070104	Lô Văn Kiên	VĐBKK	Thái	59B1 LKT	Luật	140.000	6	840.000	040901674	0943187842	102869107707	Vietinbank
26	10	18573801070105	Vì Thị Trinh	VĐBKK	Thái	59B2 LKT	Luật	140.000	6	840.000	187710205	1699137735	106869107794	Vietinbank
27	11	19573801070068	Moong Văn Hải	VĐBKK	Khơ Mú	60B LKT	Luật	140.000	6	840.000	187865556	0827209327	106870743982	Vietinbank
28	12	19573801070037	Lữ Thị Hồng Diệp	VĐBKK	Thái	60B LKT	Luật	140.000	6	840.000	187780444	0397825975	100870743976	Vietinbank
29	1	165TDV100322	Hoàng Hữu Trọng	CMC	Kinh	57B TCNH	Kinh tế	100.000	6	600.000	187901178	0945734319	107003634117	Vietinbank
30	2	1755262011500002	Xông Bá Chải	VĐBKK	H'Mông	58B1 Kinh tế	Kinh tế	140.000	6	840.000	187692923	1675238326	105867555040	Vietinbank
31	3	1755234030100356	Đào Thị Kim Ngân	CMC	Kinh	58B6 Kế toán	Kinh tế	100.000	6	600.000	184322891	0352816613	103867569504	Vietinbank

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Đối tượng	Dân tộc	Lớp	Khoa, viện	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/Kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số Tài khoản	Thuộc ngân hàng
32	1	155D5802080147	Nguyễn Tấn Phát	VĐBKK	Thái	56K1XD	Xây dựng	140.000	6	840.000	187504329	1649931200	104001924583	Vietinbank
33	2	155D5802050012	Trần Quốc Hoàng	CMC	Kinh	56K2 CTGT	Xây dựng	100.000	6	600.000	187394156	962656385	103002626457	Vietinbank
34	3	155D5802080211	Lương Văn Phênh	VĐBKK	Thái	56K3 XD	Xây dựng	140.000	6	840.000	187225895	964023654	108002626725	Vietinbank
35	4	1755258020800080	Đặng Đăng Hoàng	CMC	Kinh	58K2 XD	Xây dựng	100.000	6	600.000	187759664	976607527	104867628388	Vietinbank
36	5	19575802050009	Vi Văn Phúc	VĐBKK	Thái	60K2 CTGT	Xây dựng	140.000	6	840.000	187772202	0822087457	107870924964	Vietinbank
37	1	165TDV400485	Vi Văn Sơn	VĐBKK	Thái	57B CTH	KHXHNV	140.000	6	840.000	187513099	0967318993	109002109531	Vietinbank
38	2	165TDV400524	Lương Thị Minh Hiền	VĐBKK	Thái	57B CTXH	KHXHNV	140.000	6	840.000	187517342	0962758620	103003634448	Vietinbank
39	3	165TDV400470	Nguyễn Quốc Việt	VĐBKK	Thái	57B-Bảo chí	KHXHNV	140.000	6	840.000	187628161	0918885569	104003546945	Vietinbank
40	4	165TDV400404	Vi Thị Hằng	VĐBKK	Thái	57B-C. Trị học	KHXHNV	140.000	6	840.000	187517392	0918514946	102003762853	Vietinbank
41	5	1755276010100019	Vi Thị Ngọc Châu	VĐBKK	Thái	58B CTXH	KHXHNV	140.000	6	840.000	187567941	1672677001	107867596019	Vietinbank
42	6	1755276010100012	Vi Quỳnh Giao	VĐBKK	Thái	58B CTXH	KHXHNV	140.000	6	840.000	187629856	1672083238	104867596012	Vietinbank
43	7	18577601010007	Đoàn Thị Thanh Thảo	CMC		59B CTXH	KHXHNV	100.000	6	600.000	184360974	0915587224	108869053440	Vietinbank
44	8	18577601010005	Lữ Thủy Kiều	VĐBKK	Thái	59B CTXH	KHXHNV	140.000	6	840.000	187865444	0973408130	102869053433	Vietinbank
45	9	18573106300006	Hồ Thị Nhung	CMC		59B1 Du lịch	KHXHNV	100.000	6	600.000	187819637	01255496943	109869048115	Vietinbank
46	10	18573106300004	Đặng Tuấn Dũng	VĐBKK	Thái	59B1 Du lịch	KHXHNV	140.000	6	840.000	187770062	01695132247	104869048091	Vietinbank
47	11	18573106300075	Vi Thị Hòa	VĐBKK	Thanh	59B2 Du lịch	KHXHNV	140.000	6	840.000	187762149	01632493117	103869048135	Vietinbank
48	12	19573106300010	Vũ Bá Lệnh	VĐBKK	H'Mông	60B CTXH	KHXHNV	140.000	6	840.000	187781715	0825879518	105870628468	Vietinbank
49	13	19573106300004	Hồ Y Sĩa	VĐBKK	H'Mông	60B CTXH	KHXHNV	140.000	6	840.000	187867226	0818728192	100870628463	Vietinbank
50	14	19573102050003	Và Y Cờ	VĐBKK	H'Mông	60B QLNN	KHXHNV	140.000	6	840.000	187866760	0343258501	104870924967	Vietinbank
51	15	19573106300060	Nguyễn Hương Giang	VĐBKK	Thái	60B Du lịch	KHXHNV	140.000	6	840.000	187841086	0971041147	103870628458	Vietinbank
52	16	19573106300006	Nguyễn Thị Hà	CMC		60B Du lịch	KHXHNV	100.000	6	600.000	184432429	0889804044	107870628402	Vietinbank
53	17	19573106300012	Vi Thị Ánh Linh	VĐBKK	Thái	60B Du lịch	KHXHNV	140.000	6	840.000	187775743	0384945910	101870628408	Vietinbank
54	18	19573106300049	Vy Thị Hà Linh	VĐBKK	Thái	60B Du lịch	KHXHNV	140.000	6	840.000	187837608	0368772902	102870628447	Vietinbank
55	19	19573106300058	Lữ Tuấn Linh	VĐBKK	Thái	60B Du lịch	KHXHNV	140.000	6	840.000	187770176	0971095046	105870628456	Vietinbank
56	1	155D5202072001	Trương Văn Huy	VĐBKK	Thổ	56K ĐTTT	KT-CN	140.000	6	840.000	187977866	0964226934	102002675597	Vietinbank
57	2	155D5103010036	Nguyễn Văn Thắng	CMC	Kinh	56K2 Điện,ĐT	KT-CN	100.000	6	600.000	187441725	01627590971	100002626423	Vietinbank
58	3	155D4802010204	Bùi Đức Truyền	CMC		56K4-CNIT	KT-CN	100.000	6	600.000	187674519	0977547242	106002520031	Vietinbank
59	4	155D4802010226	Lương Thị Huyền Trang	VĐBKK	Thái	56K4-CNIT	KT-CN	140.000	6	840.000	187543608	0963867706	108002520027	Vietinbank
60	5	155D5202070002	Hoàng Quỳnh Trang	CMC	Kinh	56K-ĐTTT	KT-CN	100.000	6	600.000	187698922	01634981868	106002098757	Vietinbank
61	6	1755248020100003	Kha Đình Đạt	VĐBKK	Thái	58K2-CNIT	KT-CN	140.000	6	840.000	187670101	01235788475	107867592531	Vietinbank
62	7	18575103010045	Hà Văn Hưng	CMC	Kinh	59K- ĐIỆN ĐT	KT-CN	100.000	6	600.000	187832556	0888086536	108869192678	Vietinbank
63	8	19575102050037	Phạm Sỹ Hiệp	CMC	Kinh	60K1 CNKT ở tổ	KT-CN	100.000	6	600.000	187761305	982671861	108870845958	Vietinbank
64	9	19574802010068	Đặng Đình Phùng	VĐBKK	Thái	60K1-CNIT	KT-CN	140.000	6	840.000	187777689	0954375456	107870845591	Vietinbank
65	10	19574802010042	Lô Phát Tài	VĐBKK	Thái	60K1-CNIT	KT-CN	140.000	6	840.000	187832619	0344104279	103870845571	Vietinbank
66	11	19574802010075	Vi Văn Nam	VĐBKK	Thái	60K2-CNIT	KT-CN	140.000	6	840.000	187902602	0843040865	101870845749	Vietinbank
67	12	19574802010094	Vi Văn Khải	VĐBKK	Thái	60K2-CNIT	KT-CN	140.000	6	840.000	187902582	0868715972	109870845632	Vietinbank
68	1	165TDV500101	Lô Minh Ảnh	VĐBKK	Thái	57A1 SP Toán	SP Tự nhiên	140.000	6	840.000	187760260	0349561943	105003634977	Vietinbank
69	2	165TDV500037	Lương Quý Trọng	VĐBKK	Thái	57A1-SP Toán	SP Tự nhiên	140.000	6	840.000	174763432	0967528679	105006915708	Vietinbank
70	3	165TDV500174	Ngô Thị Thu Trang	VĐBKK	Thái	57A2 SP Toán	SP Tự nhiên	140.000	6	840.000	187518292	0347333030	101002967732	Vietinbank
71	4	1755214020910078	Lô Tiên Anh	VĐBKK	Thái	58A1 SP Toán	SP Tự nhiên	140.000	6	840.000	187773767	0856543756	107867628096	Vietinbank

Chữ

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Đối tượng	Dân tộc	Lớp	Khoa, viện	Số tiền d/tháng	Số tháng	Số tiền d/Kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số Tài khoản	Thuộc ngân hàng
72	5	1755214020910020	Vi Thị Minh Thư	VĐBKK	Thái	58A1 SP Toán	SP Tự nhiên	140.000	6	840.000	187712171	0828799150	103867628036	Vietinbank
73	6	1755214020910009	Lữ Thanh Huyền	VĐBKK	Thái	58A2 SP Toán	SP Tự nhiên	140.000	6	840.000	187687324	0827851254	103867628024	Vietinbank
74	7	19571402090026	Lương Quốc Anh	VĐBKK	Thái	60A SP Toán	SP Tự nhiên	140.000	6	840.000	187775961	0368537862	107870607787	Vietinbank
75	8	19571402090035	Lô Nguyễn Tân	VĐBKK	Thái	60A SP Toán	SP Tự nhiên	140.000	6	840.000	187695619	0944280863	103870607793	Vietinbank
76	1	165TDV610380	Xeo Thị Lý	VĐBKK	Khơ mú	57A1-SP Văn	SP Xã hội	140.000	6	840.000	187694874	0964905065	109003635357	Vietinbank
77	2	1755214020510004	Lương Yến Nhi	VĐBKK	Thái	58A- GD C.Trị	SP Xã hội	140.000	6	840.000	187670137	01666640233	109867743691	Vietinbank
78	3	165TDV600192	Lô Thị Thủy Tiên	VĐBKK	Thái	57A-SP Văn	SP Xã hội	140.000	6	840.000	187760649	0390740777	100003635140	Vietinbank
79	4	19571402170007	Lê Thị Khánh Linh	VĐBKK	Thái	60A- SP Văn	SP Xã hội	140.000	6	840.000	187975280	0865364601	104870814931	Vietinbank
80	5	19571402190006	Lương Thị Bích Nguyệt	VĐBKK	Thái	60A- SP Địa	SP Xã hội	140.000	6	840.000	187695129	0855858411	101870814959	Vietinbank
81	6	19571402180003	Vang Thị Kim Yến	VĐBKK	Thái	60A- SP Sử	SP Xã hội	140.000	6	840.000	187712137	0363405250	101870814910	Vietinbank
82	7	19571402190008	Vi Thái San	VĐBKK	Thái	60A- SP Địa	SP Xã hội	140.000	6	840.000	187838547	0914486822	102870814960	Vietinbank
83	8	19571402170041	Lục Thị Doanh	VĐBKK	Thái	60A- SP Văn	SP Xã hội	140.000	6	840.000	187884161	0364576644	104870814917	Vietinbank
84	1	165TDV600325	Lê Văn Hùng	VĐBKK	Mường	57A-GDQP	GDQP	140.000	6	840.000	174881886	1634740019	107867701859	Vietinbank
85	1	18571402061007	Lương Thế Long	VĐBKK	Thái	59A-Thế dục	GDTC	140.000	6	840.000	187832675	353666477	108869089823	Vietinbank
86	2	165D14020600008	Hoàng Thị Sao Mai	VĐBKK	Thổ	57A-Thế dục	GDTC	140.000	6	840.000	187522575	986597442	100003635522	Vietinbank
87	1	165D14020100186	Lô Thu Hương	VĐBKK	Thái	57A1 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187565572	1656603023	105003635542	Vietinbank
88	2	165TDV600093	Cao Ngọc Linh Đan	VĐBKK	Thái	57A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187773166	1233232811	100003635164	Vietinbank
89	3	165TDV600281	Quang Thị Thùy Dung	VĐBKK	Thái	57A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187685170	966107600	106003635168	Vietinbank
90	4	165TDV600240	Lương Thị Biên	VĐBKK	Khơ mú	57A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187779098	943747725	103003635159	Vietinbank
91	5	165D14020100194	Ngân Thị Trang	VĐBKK	Thái	57A3 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187555191	1634065616	106003635648	Vietinbank
92	6	165D14020100112	Trịnh Thị Hằng	VĐBKK	Thái	57A3 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187516605	1689468485	101003635616	Vietinbank
93	7	165D14020100173	Trương Thị Quyên	VĐBKK	Thổ	57A3 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187523694	1697127481	103003635638	Vietinbank
94	8	165D14020100025	Lương Thị Thục Linh	VĐBKK	Thái	57A3 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187770147	973444891	109003635632	Vietinbank
95	9	165TDV600223	Vũ Y Lia	VĐBKK	Mông	57A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187517378	1685489267	109003635223	Vietinbank
96	10	165TDV600014	Lô Thị Huyền	VĐBKK	Thái	57A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187562944	968338782	109003635211	Vietinbank
97	11	165TDV600037	Ngân Thị Hằng	VĐBKK	Thái	57A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187516302	979918218	106003635195	Vietinbank
98	12	165TDV600170	Lương Khánh Ly	VĐBKK	Thái	57A4 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187683991	354868333	103003635244	Vietinbank
99	13	165TDV600321	Sầm Thị Hà My	VĐBKK	Thái	57A4 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187558799	1679710042	100003635247	Vietinbank
100	14	165TDV600031	Lê Thị Lâm Nhi	VĐBKK	Thổ	57A4 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187642428	1238206528	100003635261	Vietinbank
101	15	165TDV600202	Kim Thị Hương Mơ	VĐBKK	Thái	57A4 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187774207	1667312622	101003635246	Vietinbank
102	16	165TDV600250	Già Y Xài	VĐBKK	Mông	57A5 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187693549	1696809962	108003635319	Vietinbank
103	17	165TDV600030	Lương Thị Quỳnh Trang	VĐBKK	Thái	57A5 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187773573	1655063535	107003635310	Vietinbank
104	18	165D14020210279	Lâm Thị Thạch Thảo	VĐBKK	Thái	57A6 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187505503	1637015777	105003604273	Vietinbank
105	19	165TDV600358	Hà Thị Thuận Yến	VĐBKK	Thái	57A6 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187627533	1643671139	104002626253	Vietinbank
106	20	165TDV600011	Lô Thị Yến	VĐBKK	Thái	57A6 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187517341	982226042	107003781457	Vietinbank
107	21	165TDV600069	Ngân Thị Giang	VĐBKK	Thái	57A6 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187629129	968795112	102003635111	Vietinbank
108	22	165TDV610377	Hà Thị Thu Hương	VĐBKK	Thái	57A6 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187760480	1629561402	105003635351	Vietinbank
109	23	165TDV610378	Lô Thị Mỹ Hạnh	VĐBKK	Thái	57A6 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187558332	1633226225	106003635350	Vietinbank
110	24	165TDV600356	Lương Thị May Hải	VĐBKK	Thái	57A6 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187517343	1675734828	105002937323	Vietinbank
111	25	1755214020110124	Hà Thủy Linh	VĐBKK	Thái	58A1 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187773713	1642289637	107867694590	Vietinbank
112	26	1755214020110045	Vi Thị Thu Trang	VĐBKK	Thái	58A1 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187641820	963352640	103867694625	Vietinbank

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Đối tượng	Dân tộc	Lớp	Khoa, viện	Số tiền d/tháng	Số tháng	Số tiền d/Kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số Tài khoản	Thuộc ngân hàng
113	27	1755214020110117	Lô Thị Lan	VĐBKK	Thái	58A1 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187773652	375768536	108867694587	Vietinbank
114	28	1755214020210030	Bùi Thế Bình	VĐBKK	Mường	58A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	174847955	1699999316	102867694641	Vietinbank
115	29	1755214020210106	Vi Thị Thanh Hằng	VĐBKK	Thái	58A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187666357	914437072	104867694651	Vietinbank
116	30	165TDV600036	Vi Thị Hiền	VĐBKK	Thái	58A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187770141	364463399	101003762951	Vietinbank
117	31	1755214020110079	Vi Thị Huyền	VĐBKK	Thái	58A2 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187762360	973420744	101867694787	Vietinbank
118	32	1755214020110072	Kha Hương Trà	VĐBKK	Thái	58A2 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187771857	1686241867	107867694824	Vietinbank
119	33	1755214020210090	Nguyễn Thị Kỳ	CMC	Kinh	58A2 GDTH	Giáo dục	100.000	6	600.000	187822095	1684890083	102867694747	Vietinbank
120	34	1755214020210113	Vi Văn Đạt	VĐBKK	Thái	58A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187641402	969139851	101867694708	Vietinbank
121	35	1755214020210087	Hà Thị Lê Na	VĐBKK	Thái	58A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187628114	1646677085	107867694754	Vietinbank
122	36	1755214020210047	Trương Thị Phương Nhi	VĐBKK	Thổ	58A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187666409	1677221199	104867694757	Vietinbank
123	37	1755214020210122	Lương Thị Phi Nhung	VĐBKK	Thái	58A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187671294	984978177	109867694725	Vietinbank
124	38	1755214020210086	Lữ Thị Duyên	VĐBKK	Thái	58A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	175008706	1257473922	100867694709	Vietinbank
125	39	18571402011076	Vũ Y Dâu	VĐBKK	Mông	59A1 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187692773	1674419560	104869090121	Vietinbank
126	40	18571402011135	Vi Thị Ngọc Hiền	VĐBKK	Thái	59A1 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187841746	1673135996	109869090126	Vietinbank
127	41	18571402011095	Lô Thị Mỹ Linh	VĐBKK	Thái	59A1 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187777929	989422124	104869090133	Vietinbank
128	42	18571402011044	Vi Thị Hải Yến	VĐBKK	Thổ	59A1 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187841152	1645528817	106869090171	Vietinbank
129	43	18571402021132	Lữ Thị Yến	VĐBKK	Thái	59A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187711027	1258668234	100869090222	Vietinbank
130	44	18571402021033	Vi Thị Thinh	VĐBKK	Thái	59A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187832920	1656311317	101869090206	Vietinbank
131	45	18571402021134	Lô Thị Ngân	VĐBKK	Thái	59A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187710617	822862500	100868760071	Vietinbank
132	46	18571402021026	Cầm Thị Linh	VĐBKK	Thái	59A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187683738	1626550733	105869090184	Vietinbank
133	47	18571402021065	Lữ Thị Thu Hường	VĐBKK	Thái	59A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187786951	966075924	108869090181	Vietinbank
134	48	18571402011027	Vi Thị Linh Chi	VĐBKK	Thái	59A2 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187770761	886516717	108869090005	Vietinbank
135	49	18571402011201	Nguyễn Thị Trà My	VĐBKK	Thái	59A2 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187569193	1275520738	106869090061	Vietinbank
136	50	18571402021018	Kha Thị Anh	VĐBKK	Thái	59A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187772170	966092374	101869090066	Vietinbank
137	51	18571402021074	Lang Tuấn Công	VĐBKK	Thái	59A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187685178	1253266282	109869090068	Vietinbank
138	52	18571402021010	Vi Thị Lê Na	VĐBKK	Thái	59A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187643968	983413871	103869090091	Vietinbank
139	53	18571402021184	Lê Thị Hải Yến	VĐBKK	Thái	59A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187762773	1697030831	109869090114	Vietinbank
140	54	18571402011178	Hồ Thị Quỳnh	CMC	Kinh	59A3 GDMN	Giáo dục	100.000	6	600.000	187819633	859349869	105869089923	Vietinbank
141	55	18571402011173	Lô Thị Nương	VĐBKK	Thái	59A3 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187786092	1628639800	106869089922	Vietinbank
142	56	18571402011193	Lương Thị Hiền Dịu	VĐBKK	Thái	59A3 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187712374	1659984008	102869100853	Vietinbank
143	57	18571402021007	Nguyễn Thu Hà	VĐBKK	Thái	59A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187832051	917757579	102869089953	Vietinbank
144	58	18571402021109	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	VĐBKK	Thái	59A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187666328	971842511	107003796224	Vietinbank
145	59	18571402021159	Lương Thị Thu Phương	VĐBKK	Thái	59A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187710284	1645923054	104869089976	Vietinbank
146	60	18571402021179	Quang Anh Tuấn	VĐBKK	Thái	59A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187930989	1666687985	106869089998	Vietinbank
147	61	18571402021148	Lô Thị Hồng Tuyền	VĐBKK	Thái	59A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187775770	1687192667	104869089990	Vietinbank
148	62	18571402021185	Lữ Thị Tiểu Yến	VĐBKK	Thái	59A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187832331	1632838778	108869089996	Vietinbank
149	63	19571402020022	Vi Thị Hằng	VĐBKK	Thái	60A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187840678	0362447720	106870785567	Vietinbank
150	64	19571402020007	Lữ Thị Mi Na	VĐBKK	Thái	60A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187931424	0326903472	109870785589	Vietinbank
151	65	19571402020017	Lương Thị Phương Thảo	VĐBKK	Thái	60A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187931364	0367132910	106870785600	Vietinbank
152	66	19571402020045	Kha Thị Quỳnh Chi	VĐBKK	Thái	60A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187711085	0856859030	100870785621	Vietinbank
153	67	19571402020023	Vi Thị Kim Dung	VĐBKK	Thái	60A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187773901	0359746433	100003796246	Vietinbank
154	68	19571402020163	Vi Thị Phương Dung	CMC	Thái	60A2 GDTH	Giáo dục	100.000	6	600.000	187780792	0326511900	108870785623	Vietinbank
155	69	19571402020019	Lô Thị Hằng	VĐBKK	Thái	60A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187666434	0334915982	107003796127	Vietinbank
156	70	19571402020221	Lang Thị Phương Nam	VĐBKK	Thái	60A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187712126	0705473862	108870785650	Vietinbank

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Đối tượng	Dân tộc	Lớp	Khoa, viện	Số tiền d/tháng	Số tháng	Số tiền d/Kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số Tài khoản	Thuộc ngân hàng
157	71	19571402020027	Lương Thị Quỳnh Như	VĐBKK	Thái	60A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187887060	84369261373	100870785658	Vietinbank
158	72	19571402020021	Trần Út Thêm	VĐBKK	Thái	60A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187834252	0373129800	106870785664	Vietinbank
159	73	19571402020121	Lương Thị Trâm	VĐBKK	Thái	60A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187712081	0919685384	101870785672	Vietinbank
160	74	19571402020103	Hà Cẩm Vi	VĐBKK	Thái	60A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187834556	0365143445	104870785679	Vietinbank
161	75	19571402020116	Sầm Thị Bảo Yến	VĐBKK	Thái	60A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187931474	0353672459	105870785680	Vietinbank
162	76	19571402020208	Lô Thị Huyền	VĐBKK	Thái	60A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187867310	0343381394	101870785701	Vietinbank
163	77	19571402020089	Vi Thị Thảo Ly	VĐBKK	Thái	60A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187836837	0976015952	103870785709	Vietinbank
164	78	19571402020195	Lô Thị Linh Nhi	VĐBKK	Thái	60A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187777939	0989422124	103870785712	Vietinbank
165	79	19571402020138	Đặng Thị Diệp Quỳnh	VĐBKK	Thái	60A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187712299	0978121665	109870785716	Vietinbank
166	80	19571402020124	Lô Thị Thu Thảo	VĐBKK	Thái	60A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187931422	0328668129	103870785724	Vietinbank
167	81	19571402020151	Lê Thị Trang	VĐBKK	Thái	60A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187901434	0348363078	101870785738	Vietinbank
168	82	19571402020101	Bùi Văn Trọng	VĐBKK	Mường	60A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	113718935	0845821228	102870785740	Vietinbank
169	83	19571402020187	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	VĐBKK	Thái	60A4 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187834340	0326888117	103870785751	Vietinbank
170	84	19571402020254	Moong Thị Bình	VĐBKK	Khơ mú	60A4 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187838894	0862792265	106870924965	Vietinbank
171	85	19571402020192	Sầm Linh Chi	VĐBKK	Thái	60A4 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187834873	0353740024	100870785754	Vietinbank
172	86	19571402020203	Cự Y Mô	VĐBKK	H'Mông	60A4 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187867959	0333038670	109870785770	Vietinbank
173	87	19571402020247	Lý A Nhia	VĐBKK	H'Mông	60A4 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	201016276	0364476114	101870785778	Vietinbank
174	88	19571402020193	Và Y Pà	VĐBKK	H'Mông	60A4 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187836978	0856445677	109870785782	Vietinbank
175	89	19571402010030	Sầm Thị Huệ Chi	VĐBKK	Thái	60A1 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187785527	0343194346	109870785347	Vietinbank
176	90	19571402010143	Vi Thị Linh	VĐBKK	Thái	60A1 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187959251	0947984020	100870785385	Vietinbank
177	91	19571402010105	Vi Thị Nhi	VĐBKK	Thái	60A1 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187839210	0949797563	106870785391	Vietinbank
178	92	19571402010104	Vi Thị Bích Quỳnh	VĐBKK	Thái	60A2 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187760460	0941055218	104870785462	Vietinbank
179	93	19571402010067	Lương Lữ Hiệu Đan	VĐBKK	Thái	60A2 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187840961	0344787233	100870785427	Vietinbank
180	1	165TDV300091	Lang Thanh Đông	VĐBKK	Thái	57 NTTS	NN-TN	140.000	6	840.000	187672195	1655526774	105003665263	Viettinbank
181	2	165TDV300003	Lương Thị Doan	VĐBKK	Thái	57K NH	NN-TN	140.000	6	840.000	187626109	1665350175	106003665262	Viettinbank
182	3	165TDV300005	Vi Văn Dương	VĐBKK	Thái	57K Nông học	NN-TN	140.000	6	840.000	187640210	979409632	102003665266	Viettinbank
183	4	165TDV300075	Cút Văn Nhiệm	VĐBKK	Khơ Mú	57K Nông học	NN-TN	140.000	6	840.000	187695931	1692776603	108003790301	Viettinbank
184	5	165TDV300076	Quang Văn Tầm	VĐBKK	Thái	57K Nông học	NN-TN	140.000	6	840.000	187626153	1686409466	103003790290	Viettinbank
185	6	165TDV300090	Lý Bá Xanh	VĐBKK	H'Mông	57K Nông học	NN-TN	140.000	6	840.000	187567302	1699441297	109003780987	Viettinbank
186	7	165TDV300085	Lầu Bá Cha	VĐBKK	H'Mông	57K Nông học	NN-TN	140.000	6	840.000	187779001	1679487227	102003665239	Vietinbank
187	8	165TDV300006	Vừ Bá Hòa	VĐBKK	H'Mông	57K QLDD	NN-TN	140.000	6	840.000	187695250	915033621	106003665250	Viettinbank
188	9	165TDV300012	Lô Văn Toàn	VĐBKK	Thái	57K QLDD	NN-TN	140.000	6	840.000	187773864	987461881	107003665274	Viettinbank
189	10	1755262010500001	Trương Thị Phiến	VĐBKK	Thổ	58 Chăn nuôi	NN-TN	140.000	6	840.000	187643769	1253229670	106867606737	Viettinbank
190	11	1755262010200002	Lương Văn Mạnh	VĐBKK	Thái	58 Chăn nuôi	NN-TN	140.000	6	840.000	187671274	944856127	104867606739	Viettinbank
191	12	1755262010900009	Vi Thị Bích	VĐBKK	Đan Lai	58 Nông học	NN-TN	140.000	6	840.000	187671468	1299457013	107867606749	Viettinbank

Ấn định danh sách toàn trường gồm 191 sinh viên Tổng tiền:

25.940.000 155.640.000

(Một trăm năm lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng)

TRƯỞNG PHÒNG CTCT-HSSV

Q. TRƯỞNG PHÒNG KH-TC

TS. Đặng Thị Thu

ThS. Đậu Đăng Tuấn

GS.TS. Đinh Xuân Khoa